TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 9 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Xuân Thu;
Bà Vũ Phương Nhung.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thái Thưởng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa***: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1992. Địa chỉ: Xóm 12, xã GH, huyện G, tỉnh N; "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn H; sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm 12, xã GH, huyện G, tỉnh N; "có mặt".

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh T T T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở tư pháp tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, bản tự khai ngày 14/6/2019, biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Đinh Văn H tự nguyện tìm hiểu và đã được UBND xã GH, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị ngoại tình. Năm 2016, mẹ anh H chết, anh H bị sốc về mặt tâm lý, ít nói và bị chứng trầm cảm, nhưng sau khi thuốc thang sức khỏe anh H đã bình thường. Chị một mình lo liệu kinh tế trong gia đình nhưng anh H không hiểu mà vẫn đối xử quá đáng với chị. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019, bị đơn anh Đinh Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chỉ có một vài mâu thuẫn nhỏ. Vài năm trở lại đây, chị N tỏ ra lạnh nhạt, luôn tìm cách tránh mặt anh. Anh không muốn ly hôn, nhưng nếu chị N cương quyết muốn xin ly hôn anh cũng nhất trí vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, chị N không còn tình cảm gì với anh nên vợ chồng không thể đoàn tụ được.

Về con chung: Chị N và anh H trình bày, vợ chồng có 01 con chung là: Đinh Hoài T, sinh ngày 12/8/2010. Do anh H thường đi làm trên Hà Nội, nên cháu T ở với mẹ. Khi ly hôn, chị N nhận nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Nhưng nếu con chung có nguyện vọng ở với mẹ, anh cũng đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 02/8/2019, cháu Đinh Hoài T trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn H đều trình bày vợ chồng thửa đất tại thửa số 205, tờ bản đồ số 21 có diện tích 148 m^2 trên thửa đất có nhà xây mái bằng một tầng và các công trình xây dựng khác tại xóm 12 xã GH, huyện G, tỉnh N. Nguồn gốc do vợ chồng mua và xây dựng. Nay ly hôn chị N và anh H đều có nguyện vọng xin nhận quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất, anh chị sẽ thanh toán chênh lệch về tài sản cho nhau là 267.819.5000 đồng.

Ngoài ra, chị N tự nguyện hỗ trợ thêm cho anh H số tiền là 32.180.500 đồng.

Tài sản riêng, công nợ, ruộng nhận khoán của HTX: Chị N và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 11/7/2019, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xóm đội xã GH cung cấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn H kết hôn với nhau hoàn toàn hợp pháp. Bản thân anh H là đối tượng được hưởng chế độ chất độc hóa học. Khoảng hơn một năm nay vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh H nghi ngờ chị N ngoại tình và vợ chồng sống ly thân. Nay chị Nguyễn Thị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo quy định của pháp luật. Về nuôi con chung, nên giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với nhà đất là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án cứ vào nguyện vọng của đương sự và quy định của pháp luật để giao cho phù hợp.

Theo yêu cầu của nguyên đơn,Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản kết quả như sau: Trên diện tích thửa đất vợ chồng anh H, chị N đang sử dụng có các công trình xây dựng (01 nhà xây một tầng, 01 nhà vệ sinh; hàng rào lưới thép B40; tường rào; rào sắt vuông; mái tôn liên doanh; 01 bể nước; 02 trụ cổng). Giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở địa phương tại thời điểm là 2.700.000/m^2. Tổng giá trị trị quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng trên đất thửa đất là 535.639.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn H là hợp pháp. Do anh H nghi ngờ chị N ngoại tình nên đã xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân, không thể chung sống cùng nhau, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn. Về con chung nên giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung là nhà, đất tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 21 có diện tích 148 m^2 xóm 12 xã GH nên giao chị N sử dụng và sở hữu, đồng thời buộc chị N có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh H 267.819.500 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N hỗ trợ cho anh H số tiền 32.180.500 đồng. Về án phí: các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung, về chia tài sản chung đối với anh Đinh Văn H, địa chỉ: Xóm 12, xã GH, huyện G, tỉnh N. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

[2] VÒ quan hÖ h«n nh©n: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GH, huyện G, tỉnh N vào ngày 06/11/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do anh H nghi ngờ chị N ngoại tình nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 cho tơi nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị N xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của các đương sự và để ổn định cho việc học tập cũng như nguyện vọng của cháu T nên giao cho chị giao chị Nguyễn Thị N nuôi con chung là Đinh Hoài T; sinh ngày 12/8/2010. Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị N không yêu cầu nên anh H không phải đóng góp nhưng được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Vợ chồng có thửa đất tại thửa số 205, tờ bản đồ số 21 có diện tích 148 m^2 trên thửa đất có xây dựng 01 nhà xây mái bằng một tầng và các công trình xây dựng khác tại xóm 12 xã GH, huyện G, tỉnh N. Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng trên đất là 535.639.000 đồng. Chị N và anh H đều có nguyện vọng xin nhận quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất và sẽ thanh toán chênh lệch về tài sản cho nhau. Xét điều kiện thực tế chị N nuôi con chung nên cần thiết phải có nơi ở ổn định cho hai mẹ con do vậy nên giao chị N được quyền sử dụng và sở hữu nhà, đất tại thửa số 205, tờ bản đồ số 21 có diện tích 148 m^2 cùng toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất tại xóm 12 xã GH, huyện G, tỉnh N có tổng giá trị là 535.639.000 đồng. Chị N phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh H là 267.819.500đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N hỗ trợ cho anh H số tiền 32.180.500 đồng.

[5] Về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Án phí chia tài sản chung: Chị N, anh H phải nộp tương ứng với giá trị phần tài sản được chia.

Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị N nhận nộp cả 3.000.000 đồng (đã nộp).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Hoài T; sinh ngày 12/8/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao chị Nguyễn Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 205, tờ bản đồ số 21, diện tích 148 m^2 tại xóm 12 xã GH, huyện G, tỉnh N và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất có tổng giá trị là 535.639.000 đồng. Chị N phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H số tiền 267.819.500 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N hỗ trợ cho anh H số tiền 32.180.500 đồng.

4.Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 13.391.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn) án phí chia

tài sản. Chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí 4.050.000đ tại biên lai thu số 0000395 ngày 29/5/2019 của THSDS huyện Giao Thủy; nay đối trừ, chị N còn phải nộp 9.141.000 đồng.

Anh Đinh Văn H phải nộp 13.391.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn) án phí chia tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N, anh Đinh Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã GH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Thu Hiền